

一、听录音：

- 1、 zhā zhá zhǎ zhà
- 2、 zhē zhé zhě zhè
- 3、 zhū zhú zhǔ zhù
- 4、 zhuā zhuá zhuǎ zhuà
- 5、 chā chá chǎ chà
- 6、 chē ché chě chè
- 7、 chū chú chǔ chù
- 8、 chuō chuó chuō chuò
- 9、 shā shá shǎ shà
- 10、 shē shé shě shè
- 11、 shū shú shǔ shù
- 12、 shuō shuó shuō shuò
- 13、 rē ré rě rè
- 14、 rū rú rǔ rù
- 15、 ruō ruó ruō ruò
- 16、 zhī zhí zhǐ zhì
- 17、 chī chí chǐ chì
- 18、 shī shí shǐ shì

二、填写声母：

- 1、 ī ī ĭ。
- 2、 uō uà
- 3、 ē á

